

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĂN CHẤN
TỈNH YÊN BÁI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **26/2025/HNGĐ - ST**

Ngày 24 - 4 - 2025

V/v: *Ly hôn, tranh chấp nuôi con.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN CHẤN, TỈNH YÊN BÁI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thành Long.

Các Hội thẩm nhân dân: 1 Bà Sầm Thị Minh Khuyên .

2. Ông Vũ Lương Trung Đức.

-Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Mai Na - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Văn Chấn.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2025 Tòa án nhân dân huyện Văn Chấn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 39/2025/TLST - HNGĐ, ngày 12/02/2025 về ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2025/QĐXX ST-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số: 18/2025/QĐST - HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị N, sinh năm 1986. Địa chỉ: Thôn K, xã C, huyện V, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt

- Bị đơn: Anh Vũ Văn T, sinh năm 1983. Địa chỉ: Thôn K, xã C, huyện V, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và bản tự khai và biên bản lấy lời khai, chị Hoàng Thị N trình bày: Chị và anh Vũ Văn T kết hôn và có đăng ký vào ngày 07/4/2005 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Yên Bái. Sau kết hôn vợ chồng sống chung tại thôn K, xã C, huyện V, tỉnh Yên Bái. Vợ chồng chung sống đến năm 2015 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên cãi nhau, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2015 đến nay không còn quan tâm gì đến nhau. Chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án cho ly hôn với anh Vũ Văn T.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung tên là Vũ Huy H, sinh ngày 09/6/2007. Từ khi ly thân đến nay anh T là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung, anh T vẫn

đảm bảo việc học tập và sinh hoạt cho con nên sau ly hôn chị N có nguyện vọng để anh T trực tiếp nuôi con chung, chị N không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Toà án đã tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý vụ án và triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh T không có mặt để giải quyết vụ án.

Tại biên bản xác minh, Trưởng thôn Khe Địa, xã C cung cấp thông tin: Chị N và anh T kết hôn có đăng ký vào năm 2005. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại thôn K, xã C, huyện V, chị N và anh T chung sống đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Vợ chồng nhiều lần xích mích cãi vã. Chị N đi làm ăn xa nên vợ chồng không còn hạnh phúc, đã ly thân từ năm 2015 đến nay. Chị N và anh T có 01 con chung là Vũ Huy H sinh ngày 09 tháng 6 năm 2007. Cháu H hiện đang học lớp 12, hiện do anh T nuôi dưỡng.

Tại biên bản lấy lời khai của con chung, cháu Vũ Huy H có nguyện vọng muốn ở với bố Vũ Văn T.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật Tố tụng dân sự, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn tham gia Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là hoàn toàn đúng quy định của pháp luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị N. Xử cho chị Hoàng Thị N được ly hôn anh Vũ Văn T.

Về con chung: Giao cho anh Vũ Văn T được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Vũ Huy H, sinh ngày 09/6/2007, chị Hoàng Thị N không phải cấp dưỡng nuôi con chung;

Về tài sản chung và nợ chung nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết;

Về án phí nguyên đơn chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Anh Vũ Văn T đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn K, xã C, huyện V, tỉnh Yên Bái vụ án do Tòa án nhân dân huyện Văn Chấn,

tỉnh Yên Bái thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tòa án đã tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa theo quy định của pháp luật, nhưng tại phiên tòa anh T vẫn vắng mặt không có lý do. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt bị đơn do đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do thể hiện thái độ cố tình trốn tránh nghĩa vụ đối với nguyên đơn. Chị Hoàng Thị N vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt chị Hoàng Thị N và anh Vũ Văn T.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị N và anh Vũ Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký ngày 07/4/2005 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Yên Bái. Theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình, quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh T được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình chung sống chị N cho rằng vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên cãi nhau, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, vợ chồng đã ly thân từ năm 2015 đến nay không còn quan tâm gì đến nhau. Hội đồng xét xử xét thấy quan hệ hôn nhân của chị N và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, vợ chồng không còn yêu thương, quan tâm đến nhau, không có sự chia sẻ, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không thể đạt được. Do vậy yêu cầu xin ly hôn của chị N phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị N và anh T có 01 con chung tên là Vũ Huy H, sinh ngày 09/6/2007. Sau ly hôn chị N có nguyện vọng để anh T trực tiếp nuôi con chung, chị N không cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy từ khi chị N và anh T ly thân năm 2015 cho đến nay, anh T là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung, anh T vẫn đảm bảo việc học tập và sinh hoạt cho cháu H. Cháu Vũ Huy H có nguyện vọng được ở cùng bố. Hội đồng xét xử thấy rằng nên tiếp tục giao con chung cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng nuôi con chung sẽ giải quyết khi anh T có yêu cầu là phù hợp với quy định tại Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Hoàng Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn 300.000 đồng.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Quan điểm về việc giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với quy định của pháp luật, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- Áp dụng khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Hoàng Thị N được ly hôn anh Vũ Văn T.

2. Về con chung: Giao cho anh Vũ Văn T được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Vũ Huy H, sinh ngày 09/6/2007 cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác, chị Hoàng Thị N không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Hoàng Thị N phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai số AA/2024/0000934 ngày 12/02/2025 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Văn Chấn tỉnh Yên Bái, chị N đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện Văn Chấn;
- CCTHADS huyện Văn Chấn;
- Các đương sự;
- UBND xã Tân Thịnh
(số ĐKKH 12/2005)
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thành Long